

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt số lượng đối tượng và kinh phí hỗ trợ học phí HKII năm học 2024 – 2025 theo quy định tại nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của hội đồng nhân dân tỉnh.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON SÔNG KHOAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 01/04/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện Về việc phê duyệt số lượng đối tượng và kinh phí hỗ trợ học phí HKII năm học 2024 – 2025 theo quy định tại nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của hội đồng nhân dân tỉnh.

.(Chi tiết quyết định đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời gian công khai từ ngày 03/04/2025 đến ngày 30/07/2025

Điều 3. Tổ văn phòng(kế toán) có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH,GD&ĐT;
- Như điều 3(T/h);
- Lưu VP./.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Hằng

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Về việc phê duyệt số lượng đối tượng và kinh phí hỗ trợ học phí HKII năm học 2024 – 2025 theo quy định tại nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của hội đồng nhân dân tỉnh.

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 03 tháng 04 năm 2025.

Tại văn phòng trường Mầm non Sông Khoai. Chúng tôi gồm:

Bà: Vũ Thị Hằng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Bà: Nguyễn Thị Yên

Chức vụ: Phó HT - Chủ tịch Công Đoàn

Bà: Lê Thị Nghĩa

Chức vụ: Kế toán

Bà: Vũ Thị Thảo

Chức vụ: Thanh tra nhân dân

Bà: Nông Thị Ngân

Chức vụ: Thư ký Hội đồng

Lập biên bản về việc niêm yết công khai:

- Thực hiện công khai Về việc phê duyệt số lượng đối tượng và kinh phí hỗ trợ học phí HKII năm học 2024 – 2025 theo quy định tại nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của hội đồng nhân dân tỉnh.

(Có quyết định kèm theo)

Địa điểm niêm yết tại: Bảng công khai tài chính của trường Mầm non Sông Khoai và bảng tin công khai ở cổng trường của 3 thôn.

Thời gian niêm yết: Từ 9h30p ngày 03 tháng 04 năm 2025.

TRƯỜNG MẦM NON SÔNG KHOAI

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Hằng

Nông Thị Ngân

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

KẾ TOÁN

THANH TRA ND



Nguyễn Thị Yên

Lê Thị Nghĩa

Vũ Thị Thảo

Số: 289/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non,
học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở,
Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ II năm học 2024-2025
theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên: Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 8226/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2025 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2025; Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt số lượng đối tượng và kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024-2025 theo quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 về việc phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, số tiền: 5.995.200.000 đồng (Năm tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu năm 2025.

Điều 2. Giao các trường học được hỗ trợ kinh phí chịu trách nhiệm về đề xuất hỗ trợ kinh phí, thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục

PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG ĐANG HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2024/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 289/QĐ-PGDĐT ngày 16/4/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					5.995.200.000
I	Khối mầm non					3.523.350.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	12	264.375.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	12	332.875.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	70.750.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	306.125.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	97.300.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	12	236.375.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	12	221.000.000
8	Trường Mầm non Tiền An	1105738	622	071	12	90.050.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	181.000.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	12	285.625.000
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	75.600.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	152.000.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	113.950.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	12	145.750.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	12	181.750.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	197.750.000
17	Trường Mầm non Tiền Phong	1105748	622	071	12	30.950.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	212.625.000
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	12	327.500.000
II	Khối Trung học cơ sở					2.190.990.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	12	171.540.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	12	179.400.000
3	Trường THCS Tiền An	1025843	622	073	12	72.750.000
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	12	214.800.000
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	12	136.680.000
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	12	173.640.000
7	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	12	121.200.000
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	12	226.500.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
9	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	12	123.750.000
10	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	12	74.100.000
11	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	12	289.980.000
12	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	78.540.000
13	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	99.750.000
14	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	12	111.960.000
15	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	116.400.000
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					280.860.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong	1027578	622	073	12	23.070.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La	1130336	622	073	12	47.940.000
3	Trường TH&THCS Sông Khoai	1130337	622	073	12	36.450.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân	1131212	622	073	12	35.700.000
5	Trường TH&THCS Phong Cốc	1133723	622	073	12	137.700.000